Chi tiết mã HS 5205.11.00

Mã HS	5205.11.00
Mô tả hàng hóa	Sợi bông (trừ chỉ khâu), có hàm lượng bông chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ: / - - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 23:37:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52051100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8055
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8055
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8055
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	3,4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E7653
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7606
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7606
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7606
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7606
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7606
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7606
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7656
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7656

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7656
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7656
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7656
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7656
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7657
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7657
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7657
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7657
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7657
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7657
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7658
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7612
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7620
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7620
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7620
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7620
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7620
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7620
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7642
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7642
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7642
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7642
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7642
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7642
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7688
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7688
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7688
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7688
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7688
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7668
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7668
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7668
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7668
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7668
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7668
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D7681
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E7681
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F7681
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G7681
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H7681
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I7681
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7685
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7685
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7685
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7685
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7685
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7685
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7686
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7686
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7686
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7686
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7686
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7636
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7636
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7636
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7636
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7636
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7636
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7636
RCEP A	2022	2022	4,7	RCEPT-A!D7673
RCEP A	2023	2023	4,3	RCEPT-A!E7673
RCEP A	2024	2024	4	RCEPT-A!F7673
RCEP A	2025	2025	3,7	RCEPT-A!G7673
RCEP A	2026	2026	3,3	RCEPT-A!H7673
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I7673
RCEP B	2022	2022	4,7	B!D7673
RCEP B	2023	2023	4,3	B!E7673
RCEP B	2024	2024	4	B!F7673
RCEP B	2025	2025	3,7	B!G7673
RCEP B	2026	2026	3,3	B!H7673
RCEP B	2027	2027	3	B!I7673
RCEP C	2022	2022	5	C!D7673
RCEP C	2023	2023	5	C!E7673
RCEP C	2024	2024	5	C!F7673
RCEP C	2025	2025	5	C!G7673
RCEP C	2026	2026	5	C!H7673

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	5	C!I7673
RCEP D	2022	2022	4,7	D!D7673
RCEP D	2023	2023	4,4	D!E7673
RCEP D	2024	2024	4,1	D!F7673
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G7673
RCEP D	2026	2026	3,4	D!H7673
RCEP D	2027	2027	3,1	D!I7673
RCEP E	2022	2022	4,7	E!D7676
RCEP E	2023	2023	4,3	E!E7676
RCEP E	2024	2024	4	E!F7676
RCEP E	2025	2025	3,7	E!G7676
RCEP E	2026	2026	3,3	E!H7676
RCEP E	2027	2027	3	E!I7676
RCEP F	2022	2022	4,7	F!D7673
RCEP F	2023	2023	4,3	F!E7673
RCEP F	2024	2024	4	F!F7673
RCEP F	2025	2025	3,7	F!G7673
RCEP F	2026	2026	3,3	F!H7673
RCEP F	2027	2027	3	F!I7673
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F7080
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G7080
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H7080
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I7080

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	ACFTA 5%, AHKFTA 5%, AIFTA 5%, RCEP (Phụ lục C) 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5205.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5205.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8055), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.